

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số:04/2023/DS-ST

Ngày 17 tháng 01 năm 2023

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
đặt cọc mua bán hàng hóa*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.**

Với thành phần đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần
- Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Văn Bào.

2 - Ông Lê Văn Đô.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2022/TLST-DS ngày 26/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXX-DS ngày 14/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2022/QĐST-DS ngày 29/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn Nh- Sinh năm 1982 (Có mặt)

Cư trú: thôn Xuân Đồng, xã Tân M, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Mẫn Xuân H- Sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ dân phố Số 3, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Vũ Thị Quý- Sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt).

Chị Quý có giấy ủy quyền cho anh Lê Văn Nh – Sinh năm 1982 là chồng tham gia tố tụng.

Cư trú đều ở: thôn Xuân Đồng, xã Tân M, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị Huyền Tr- Sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Tổ dân phố Số 3, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2022 bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị anh Lê Văn Nh trình bày.

Anh và anh Mẫn Xuân H; Địa chỉ ở TDP số 3, thị trấn Th, có quan hệ quen biết, làm ăn buôn bán với nhau, anh Hà làm nghề sửa ô tô và buôn bán ô tô, giữa anh và anh Hà có thỏa thuận với nhau về việc đặt cọc mua bán ô tô với nhau, anh đặt cọc cho anh Hà tiền mua ô tô bốn lần, các lần đặt cọc đều thông qua việc chuyển tiền vào tài khoản của anh Hà cụ thể các lần chuyển khoản đặt cọc như sau .

Ngày 16/3/2022 anh đặt cọc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), chuyển khoản vào số tài khoản 126015534 của anh Mẫn Xuân H đây là tiền đặt cọc mua xe Kiamoninh, biển số xe 20A05686.

Ngày 02/4/2022 anh đặt cọc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), chuyển khoản vào số tài khoản 126015534 của anh Mẫn Xuân H đây là tiền đặt cọc mua xe Avante, biển số xe 30E; 57502.

Ngày 06/4/2022 anh đặt cọc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), chuyển khoản vào số tài khoản 126015534 của anh Mẫn Xuân H đây là tiền đặt cọc mua xe Aveo, màu trắng, anh không nhớ biển số xe.

Ngày 06/5/2022 anh đặt cọc 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), chuyển khoản vào số tài khoản 126015534 của anh Mẫn Xuân H đây là tiền đặt cọc mua xe Moninh màu bạc anh không nhớ biển số.

Tổng số tiền anh đặt cọc cho anh Hà là 210.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền đặt cọc, thì anh Hà đã không bán các xe trên cho anh như thỏa thuận, anh đã nhiều lần đến đôn đốc, yêu cầu anh Hà phải có nghĩa vụ giao xe, tuy nhiên anh Hà đã không thực hiện giao xe cho anh mà bán xe cho người khác và cũng không trả anh tiền đặt cọc.

Đến ngày 17/8/2022 giữa anh và anh Hà đã làm giấy nhận nợ, theo đó anh Hà xác nhận nợ tiền đặt cọc mua xe của anh số tiền là 210.000.000 đồng và thỏa thuận đến ngày 28/8/2022 anh Hà sẽ trả hết cho anh số tiền trên, giấy nhận nợ do anh Hà là người viết và ký nhận.

Tuy nhiên đến ngày hẹn anh Hà không thanh toán trả cho anh số tiền trên theo thỏa thuận, anh có đến yêu cầu anh Hà trả cho anh số tiền trên nhiều lần, nhưng anh Hà không trả, cứ khất nợ nhiều lần. Anh yêu cầu anh Hà trả cho anh số tiền còn nợ là 210.000.000 đồng, anh không yêu cầu đòi lãi, không yêu cầu tiền phạt cọc.

Bị đơn anh Mẫn Xuân H tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải anh Hà trình bày: Anh và anh Lê Văn Nh có quan hệ quen biết thông qua việc làm ăn, mua bán xe với nhau, cụ thể là buôn bán xe ô tô. Anh có nhận tiền đặt cọc mua ô tô của anh Lê Văn Nh cụ thể như sau:

- Ngày 16/3/2022 anh nhận số tiền đặt cọc của anh Nh là 30.000.000 đồng
- Ngày 02/4/2022 nhận tiền cọc: 100.000.000 đồng
- Ngày 06/4/2022 nhận tiền cọc: 20.000.000 đồng
- Ngày 06/5/2022 nhận tiền cọc: 60.000.000 đồng

Tổng nhận tiền cọc của anh Nh là: 210.000.000 đồng

Do xe chưa hoàn thiện về giấy tờ và dịch bệnh do vậy anh không giao xe cho anh Nh được. Ngày 17/8/2022 anh có viết nhận nợ tiền đặt cọc với anh Nh là 210.000.000 đồng và anh ký tên Mẫn Xuân H. Anh xác định là anh nhận tiền cọc của anh Nh nhưng không giao xe cho anh Nh là sai. Anh Nh yêu cầu trả lại số tiền cọc 210.000.000 đồng anh đồng ý trả tuy nhiên do chưa có tiền để trả, do vậy anh đề nghị cho anh xin thanh toán trả dần.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Vũ Thị Quý tại biên bản ghi lời khai trình bày: Chị đồng ý với ý kiến và lời khai của anh Nh là chồng, chị yêu cầu anh Mẫn Xuân H trả cho vợ chồng chị số tiền cọc mua xe là 210.000.000 đồng. Do điều kiện

công việc chị có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử, đồng thời chị có giấy ủy quyền cho anh Nh là chồng tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Huyền Tr tại biên bản ghi lời khai trình bày; Chị là vợ anh Mẫn Xuân H, Anh Nh chị không biết và chưa gặp bao giờ. Chị hiện nay đang làm phòng khám răng hàm mặt ở thành phố Bắc Ninh, Đòi với vụ việc anh Hà nhận tiền đặt cọc mua xe của anh Nh như thế nào chị hoàn toàn không biết, anh Hà chưa bao giờ nói cho chị biết về số tiền này, đây là số tiền làm ăn riêng của anh Hà không liên quan gì đến chị, do vậy anh Nh có đơn khởi kiện thì anh Hà phải có nghĩa vụ thanh toán trả. Chị có quan điểm không đồng ý trả nợ cùng anh Hà, ngoài ra không có ý kiến gì khác. Do điều kiện công việc chị xin được vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa có quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm quyền thụ lý đúng qui định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng qui định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự

Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng qui định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho các đương sự đúng qui định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thời hạn xét xử thực hiện đúng qui định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 271, Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 328, 351, 357 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Nh về tranh chấp hợp đồng đặt cọc với anh Mẫn Xuân H.

2. Buộc anh Mẫn Xuân H phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn Nh chị Vũ Thị Quý số tiền đặt cọc 210.000.000 đồng.

Và đề nghị tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1]- Về tố tụng:

Bị đơn anh Mẫn Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Huyền Tr có

đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- **Về quan hệ tranh chấp:** Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn anh Lê Văn Nh đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đầy đủ và có căn cứ. Khi mua hàng hóa các bên đương sự có thỏa thuận về việc đặt cọc một khoản tiền để đảm bảo cho việc thực hiện việc mua bán hàng hóa, mặc dù các bên không làm hợp đồng giao kết, nhưng có thỏa thuận với nhau, vì vậy đây được xác định là một dạng thỏa thuận giao kết hợp đồng đặt cọc, cho nên tranh chấp giữa các bên đương sự là “Tranh chấp về hợp đồng đặt cọc mua bán hàng hóa” phù hợp với quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự không có đơn yêu cầu xem xét về thời hiệu nên HĐXX không xem xét.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Lê Văn Nh yêu cầu anh Mẫn Xuân H có nghĩa vụ trả số tiền cọc là 210.000.000 đồng; Không yêu cầu đòi lãi; không yêu cầu đòi tiền phạt cọc thì thấy:

Theo lời trình bày của anh Nh (Nguyên đơn); anh Hà (Bị đơn); Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ thì có cơ sở để xác định có việc anh Lê Văn Nh và anh Mẫn Xuân H có thỏa thuận với nhau về việc mua bán hàng hóa, và thỏa thuận về việc đặt cọc số tiền để đảm bảo cho việc thực hiện việc mua bán hàng hóa là 210.000.000 đồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Hà thừa nhận có việc thỏa thuận mua bán hàng hóa là xe ô tô và có việc anh Lê Văn Nh chuyển khoản số tiền cọc nhiều lần. Tổng số tiền anh Hà nhận tiền cọc của anh Nh là: 210.000.000 đồng, anh Nh khởi kiện đòi số tiền trên thì anh Hà đồng ý trả nhưng do điều kiện khó khăn anh Hà xin được trả dần. Do vậy yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Nh yêu cầu anh Mẫn Xuân H trả số tiền cọc 210.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Đối với chị Nguyễn Thị Huyền Tr là vợ anh Mẫn Xuân H xác định việc anh Hà nhận tiền đặt cọc của anh Nh, thì chị hoàn toàn không được biết, anh Hà làm ăn riêng, chị không liên quan gì đối với khoản nợ trên. Tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nh chỉ yêu cầu anh Mẫn Xuân H trả số tiền 210.000.000 đồng và xác định chị Tr không liên quan gì, nên cần xác định số tiền nợ 210.000.000 đồng là khoản nợ riêng của anh Mẫn Xuân H.

[5]- Về án phí:

- Anh Mẫn Xuân H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho anh Lê Văn Nh.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 271, Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 328, 351, 357 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Nh về tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua bán hàng hóa đối với anh Mẫn Xuân H.

2. Buộc anh Mẫn Xuân H phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn Nh và chị Vũ Thị Quý số tiền đặt cọc mua bán hàng hóa là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Mẫn Xuân H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 10.500.000 đồng.

Hoàn trả cho anh Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.250.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008397 ngày 26/10/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đặt hoặc niêm yết bản án.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa,
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuần

